

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 74 thành phần hồ sơ phải số hoá của 59 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BKHHCN ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 74 thành phần hồ sơ phải số hoá của 59 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang *(có Danh mục chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

1.1. Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ công bố kèm theo Quyết định này, thực hiện việc số hóa khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

1.2. Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa nêu tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. Thời gian hoàn thành trong **10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định này**.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tại Phần A, mục XV Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ KHCN; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Lưu: VT, THCBKSNhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Phương

DANH MỤC 74 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ
CỦA 59 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
I	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân (11 thành phần hồ sơ của 07 TTHC)	
1	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	1	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
2	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ-Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	2	Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
2	3	Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn
3	4	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế
3	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ-Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	5	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
2	6	Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất)
4	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ-Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	7	Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
5	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	8	Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
2	9	Phiếu khai báo thiết bị bức xạ mới đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ
6	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ-Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
1	10	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
7	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	
1	11	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ
II	Lĩnh vực Hoạt động và Khoa học công nghệ (50 thành phần hồ sơ của 39 TTHC)	
1	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
1	1	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	
1	2	Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
1	3	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ
4	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	
1	4	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
5	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
1	5	Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
6	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
1	6	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động
7	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	
1	7	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động
8	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
1	8	Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
9	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	
1	9	Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
2	10	Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ
10	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	
1	11	Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
2	12	Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ
11	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
1	13	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
12	Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh	
1	14	Văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh của tổ chức chủ trì
2	15	Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở
3	16	Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản đánh giá cấp cơ sở
4	17	Báo cáo giải trình các nội dung đã được bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có xác nhận của Thủ trưởng tổ chức chủ trì và Chủ tịch Hội đồng đánh giá cấp cơ sở
13	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	
1	18	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
14	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	19	Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ
15	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	20	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ
16	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
1	21	Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
17	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
1	22	Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
18	Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân)	
1	23	Đơn đề nghị hỗ trợ
2	24	Thuyết minh đề tài hoặc thuyết minh dự án
19	Hỗ trợ đổi mới công nghệ	
1	25	Đơn đề nghị hỗ trợ
2	26	Thuyết minh về đầu tư đổi mới cải tiến công nghệ
3	27	Hợp đồng chuyển giao công nghệ
20	Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp	
1	28	Đơn đề nghị hỗ trợ

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
21	Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	
1	29	Đơn đề nghị hỗ trợ
22	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	
1	30	Văn bản đề nghị xác nhận
23	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	
1	31	Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1
2	32	Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2
24	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	
1	33	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo mẫu BM II.1
25	Mua sáng chế, sáng kiến	
1	34	Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1
26	Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	
1	35	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực theo mẫu BM II.1
27	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	
1	36	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ
28	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	
1	37	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ
29	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	
1	38	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ
30	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	
1	39	Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
31	Cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	40	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
32	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	41	Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
33	Cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	42	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
34	Xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
1	43	Văn bản đề nghị xác định công nghệ
2	44	Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực
35	Xác nhận dự án đầu tư đáp ứng nguyên tắc hoạt động công nghệ cao trong khu công nghệ cao	
1	45	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, trong đó có cam kết về việc chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án đầu tư nhận được kết quả đánh giá không đạt yêu cầu
36	Yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
1	46	Công văn đề nghị Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đã nộp vào Quỹ
2	47	Thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
37	Xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	
1	48	Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác
38	Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	
1	49	Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
39	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	
1	50	Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ
III	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (03 thành phần hồ sơ của 03 TTHC)	
1	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
1	1	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)
2	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
1	2	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)
3	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
1	3	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;
IV	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (10 thành phần hồ sơ của 10 TTHC)	
1	Công bố sử dụng dấu định lượng	
1	1	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn
2	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	
1	2	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
3	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	
1	3	Bản công bố hợp chuẩn
4	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	
1	4	Bản công bố hợp chuẩn
5	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	
1	5	Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP
6	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	
1	6	Giấy đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá

STT	Tên Lĩnh vực/TTHC/Thành phần hồ sơ	
7	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	
1	7	Bản công bố hợp quy
8	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	
1	8	Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp
9	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	
1	9	Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định
10	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
1	10	Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định

Ghi chú: Không số hóa thành phần hồ sơ TTHC đối với Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Hồ sơ phải niêm phong kín đến khi tổ chức việc mở hồ sơ)
